

Số: 6409/VPCP-PL

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2023

V/v Báo cáo rà soát Luật TTTP và
nghiên cứu khả năng tách Luật TTTP

Kính gửi:

- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công an;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Xét đề nghị của Bộ Tư pháp tại Tờ trình số 53/TTr-BTP ngày 08 tháng 8 năm 2023 về Báo cáo rà soát Luật Tương trợ tư pháp và nghiên cứu khả năng tách Luật Tương trợ tư pháp, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang có ý kiến như sau:

1. Cơ bản đồng ý với kiến nghị của Bộ Tư pháp tại Tờ trình nêu trên về việc tách Luật Tương trợ tư pháp thành 04 luật riêng điều chỉnh từng lĩnh vực khác nhau. Căn cứ kết quả rà soát, tổng kết thi hành Luật Tương trợ tư pháp, Bộ Tư pháp chủ trì lập Đề nghị xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, Bộ Công an chủ trì lập Đề nghị xây dựng Luật Dẫn độ và Luật Chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù; sớm trình Chính phủ cùng một thời điểm (trước ngày 31 tháng 12 năm 2023) để xem xét, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 của Quốc hội theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Công an và các cơ quan liên quan lập Đề nghị xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về hình sự; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong năm 2023 để xem xét đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 của Quốc hội theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Giao Bộ Tư pháp tổng hợp kết quả rà soát và nghiên cứu khả năng tách Luật Tương trợ tư pháp nêu trên theo Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.

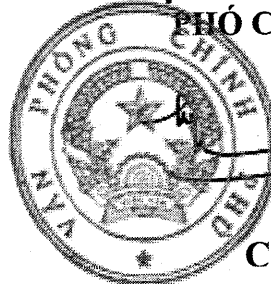
Văn phòng Chính phủ thông báo để các cơ quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTg, các PTTg (đề b/c);
- VPCP: BTCN, PCN Cao Huy,
các Vụ, Cục: NC, QHQT, QHDP, KTHH, KSTTHC;
- Lưu: VT, PL (2).

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

PHÓ CHỦ NHIỆM



Cao Huy

BÁO CÁO
RÀ SOÁT LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP
VÀ NGHIÊN CỨU KHẢ NĂNG TÁCH LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP

Kính gửi: Chính phủ

Luật Tương trợ tư pháp (Luật TTTP) được Quốc hội khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ 2 ngày 21/11/2007, có hiệu lực kể từ 01/7/2008. Tính đến nay, Luật đã được thực thi trong 15 năm.

Thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (Quyết định số 2114/QĐ-TTg), trong đó có nhiệm vụ: nghiên cứu, rà soát Luật Tương trợ tư pháp; nghiên cứu khả năng tách Luật này ra thành các dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, dự án Luật Tương trợ tư pháp về hình sự, dự án Luật điều chỉnh về dẫn độ và dự án Luật điều chỉnh về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương thực hiện nhiệm vụ nêu trên.

Bộ Tư pháp xin báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHIÊN CỨU, RÀ SOÁT

Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan giúp Chính phủ quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp (TTTP) và cơ quan chủ trì thực hiện TTTP về dân sự, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) – cơ quan chủ trì thực hiện TTTP trong lĩnh vực hình sự, Bộ Công an – cơ quan chủ trì thực hiện dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù, Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC), Bộ Ngoại giao và các tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Xác định phạm vi rà soát gồm: các chủ trương, đường lối của Đảng, chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền về công tác TTTP; văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế (ĐUQT) trong cả 04 lĩnh vực: TTTP dân sự, TTTP hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù và lập Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật, ĐUQT được nghiên cứu, rà soát.

2. Thực hiện rà soát các Nghị quyết, chỉ thị của Đảng, văn bản chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền, văn bản quy phạm pháp luật; tổng hợp kiến nghị, vướng mắc từ nhiều nguồn khác nhau (Báo cáo Tổng kết thi hành Luật TTTP, ý kiến của các cơ quan trực tiếp thực hiện TTTP tại địa phương; phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, tổ chức ...).

3. Khảo sát tại các cơ quan trực tiếp thực hiện TTTP tại địa phương để trao đổi, thảo luận về những vướng mắc trong thực tiễn và các quy định pháp luật không còn phù hợp, bất cập trong quá trình thi hành Luật TTTP.

4. Xây dựng Báo cáo kết quả rà soát và nghiên cứu khả năng tách Luật TTTP.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, RÀ SOÁT

1. Khái quát kết quả nghiên cứu, rà soát

- Số lượng văn bản thể hiện chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ liên quan đến TTTP: 16 văn bản (Phụ lục III).

- Số lượng văn bản quy phạm pháp luật đã rà soát: 32 văn bản (Phụ lục I), trong đó:

+ Bộ luật, luật: 10 văn bản;

+ Pháp lệnh: 02 văn bản;

+ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội: 01;

+ Nghị định: 05 văn bản;

+ Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: 06 văn bản;

+ Thông tư và Thông tư liên tịch: 08 văn bản.

- Số lượng ĐUQT đã rà soát: 66 văn bản (Phụ lục II)

2. Kết quả rà soát cụ thể

2.1. Chủ trương, đường lối của Đảng, chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tương trợ tư pháp

Trên cơ sở Báo cáo số 06/BC-BTP ngày 05/1/2018 của Bộ Tư pháp về hoạt động TTTP và đề xuất sửa đổi Luật TTTP, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản chỉ đạo trực tiếp về công tác này, theo đó Thủ tướng Chính phủ đồng ý với đề nghị sửa đổi bổ sung Luật TTTP theo hướng tách, xây dựng thành các luật TTTP riêng trong từng lĩnh vực và giao Bộ Tư pháp, Bộ Công an tổng kết thi thành pháp luật về TTTP thuộc lĩnh vực quản lý được phân công, đề nghị Viện

kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, tổng kết lập đề nghị xây dựng Luật TTTP về hình sự.

Bộ Tư pháp và các bộ, ngành đã tập hợp, nghiên cứu và rà soát 16 văn bản của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến công tác TTTP. Các văn bản này đều ghi nhận vai trò, vị trí của công tác TTTP trong tiến trình cải cách pháp luật, cải cách tư pháp, hội nhập quốc tế toàn diện của đất nước, đồng thời cũng nêu rõ định hướng, xác định nhiệm vụ đổi mới công tác TTTP đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, đấu tranh, phòng chống tội phạm và thúc đẩy hợp tác, hội nhập quốc tế.

Tại các báo cáo về công tác TTTP của Chính phủ trình Quốc hội các năm 2016, 2017 Chính phủ cũng đã đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu sửa đổi Luật TTTP; các năm 2018, 2019 xác định nhiệm vụ tổng kết thi hành Luật TTTP, lập đề nghị xây dựng các luật riêng điều chỉnh từng lĩnh vực¹.

(Chi tiết kết quả rà soát tại Phụ lục III)

2.2. Về sự phù hợp, tính khả thi, thống nhất, đồng bộ và hiệu quả thực hiện các quy định trong Luật Tương trợ tư pháp

a) Về sự phù hợp, thống nhất, đồng bộ

Thứ nhất, Luật TTTP điều chỉnh 04 lĩnh vực: TTTP dân sự, TTTP hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Luật quy định nguyên tắc trong thực hiện TTTP, quy trình, thủ tục, hồ sơ yêu cầu, thực hiện TTTP, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù và trách nhiệm của các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp. Sau 15 năm triển khai, thi hành Luật TTTP, các bộ, ngành đã tham mưu đề xuất, xây dựng và ban hành các văn bản chi tiết thi hành trong các lĩnh vực đảm bảo thực hiện có hiệu quả, thống nhất Luật TTTP, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong nước và đảm bảo thực thi các cam kết quốc tế. Ngoài ra, các bộ, ngành đầu mối (Bộ Tư pháp, Bộ Công an, VKSNDTC) và Bộ Ngoại giao, TANDTC đã chủ động, kịp thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật TTTP trong ngành mình và lĩnh vực được giao phụ trách.

Thứ hai, Luật TTTP và các văn bản hướng dẫn thi hành phù hợp với Hiến pháp năm 2013, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

¹ Báo cáo số 429/BC-CP ngày 17/10/2016, Báo cáo số 427/BC-CP ngày 12/10/2017, Báo cáo số 465/BC-CP ngày 10/10/2018, Báo cáo số 479/BC-CP ngày 12/10/2019.

Thứ ba, Luật TTTP và các văn bản hướng dẫn thi hành thống nhất, đồng bộ, đã tạo cơ sở pháp lý toàn diện cho công tác TTTP trong từng lĩnh vực và tổ chức, bộ máy quản lý, thực hiện nhiệm vụ TTTP được kiện toàn, hoạt động đi vào nề nếp. Từ đó, Luật hỗ trợ hoạt động tố tụng giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động và các vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài, giải quyết các yêu cầu dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù.

Thứ tư, cùng với hệ thống các ĐUQT song phương, đa phương về TTTP dân sự, TTTP hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù, Luật TTTP đã góp phần quan trọng hình thành thể chế thống nhất về hợp tác quốc tế và khu vực trong cả 04 lĩnh vực. Các văn bản hướng dẫn TTTP được ban hành sau này đã nội luật hoá tối đa những cam kết quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh chưa sửa đổi được Luật TTTP, qua đó tạo cơ sở pháp lý trong nước để thực hiện các yêu cầu TTTP của nước ngoài, đảm bảo thực thi đúng, đầy đủ các cam kết quốc tế.

b) Hiệu quả thực hiện Luật Tương trợ tư pháp

Thứ nhất, Luật TTTP đã nâng cao hiệu quả hợp tác với nước ngoài trong giải quyết các vụ việc dân sự, vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài, qua đó rút ngắn thời gian và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các cơ quan tố tụng, gián tiếp góp phần phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Đối với hoạt động TTTP hình sự, dẫn độ, Luật TTTP còn hỗ trợ hoạt động hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; đối với hoạt động chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù, Luật TTTP đã góp phần bảo đảm quyền con người (vì mục đích nhân đạo, người đang chấp hành hình phạt tù được tạo điều kiện tiếp tục thi hành án ở nước nơi người đó mang quốc tịch hoặc nơi cư trú chính trước khi bị kết án ở nước ngoài, giúp họ tái hoà nhập cộng đồng sau khi chấp hành xong hình phạt).

Thứ hai, Luật TTTP quy định rõ các chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành chủ trì và phối hợp trong đề xuất ký kết ĐUQT. Cùng với Luật Điều ước quốc tế năm 2016 (Luật ĐUQT), Luật TTTP tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho việc ký kết và thực hiện các ĐUQT về TTTP, dẫn độ và chuyển giao người chấp hành hình phạt tù. Nhờ vậy, công tác ĐUQT về TTTP trong cả 04 lĩnh vực đã đi vào nề nếp, nghiêm túc và thống nhất về quy trình thủ tục. Kết quả là số lượng các ĐUQT đã được ký kết trong tất cả 04 lĩnh vực TTTP: dân sự, hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù tăng lên đáng kể so với trước đây (41/66 điều ước song phương và đa phương mà Việt Nam là thành

viên được ký kết sau khi Luật TTTP có hiệu lực)². Những kết quả này đã góp phần trực tiếp hiện thực hóa chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước ta về đẩy mạnh hội nhập quốc tế, thực hiện chủ trương “Tiếp tục ký kết Hiệp định TTTP với các nước khác, trước hết là với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và các nước có quan hệ truyền thống” theo tinh thần của Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến 2020 và Kết luận số 92-KL/TW ngày 2/3/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến 2020. Các ĐUQT về TTTP được ký kết và đi vào thực hiện góp phần kịp thời tháo gỡ khó khăn và thúc đẩy hoạt động hợp tác trong lĩnh vực TTTP giữa Việt Nam với các nước.

Thứ ba, Luật TTTP quy định trình tự thủ tục TTTP, trình tự thủ tục giải quyết yêu cầu TTTP dân sự, hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù, phục vụ giải quyết số lượng lớn các yêu cầu của cơ quan tố tụng trong nước và cơ quan tố tụng nước ngoài một cách thống nhất, hiệu quả. Số lượng yêu cầu TTTP ngày càng tăng: hàng ngàn yêu cầu TTTP về dân sự (trong 5 năm trở lại đây trung bình mỗi năm khoảng 3500 yêu cầu của cả trong và ngoài nước), hàng trăm yêu cầu TTTP về hình sự (trong 5 năm trở lại đây trung bình mỗi năm 500 yêu cầu của cả trong và ngoài nước)³. Nhờ có Luật TTTP và các ĐUQT trong cả 4 lĩnh vực, kết quả thực hiện cũng tăng hàng năm giúp các cơ quan tố tụng, tư pháp trong nước và nước ngoài xử lý các vụ việc dân sự (theo nghĩa rộng), giải quyết các vụ án hình sự đúng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Hoạt động tố tụng có yêu cầu TTTP được giải quyết hiệu quả cũng góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với các nước, khẳng định quyết tâm thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam, tạo niềm tin, khuyến khích các chủ thể tham gia vào các quan hệ dân sự, thương mại có yếu tố nước ngoài. Như vậy, Luật TTTP đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển kinh tế, bảo vệ trật tự an ninh và ổn định xã hội và hội nhập của đất nước.

Thứ tư, Luật TTTP đã tạo điều kiện hình thành, kiện toàn bộ máy thực hiện TTTP tại các bộ, ngành. Các bộ phận đầu mối được chuyên môn hoá tại các bộ, ngành trung ương. Hoạt động TTTP được tiến hành một cách bài bản. Việc xử lý, giải quyết các yêu cầu TTTP chuyên nghiệp, hiệu quả, cơ bản đáp ứng yêu cầu về thời hạn theo quy định của Luật TTTP và pháp luật tố tụng.

² Sau khi Luật TTTP có hiệu lực, các bộ, ngành đã đề xuất ký kết 8 ĐUQT trong lĩnh vực dân sự; 13 ĐUQT trong lĩnh vực hình sự; 13 ĐUQT về dẫn độ, 15 ĐUQT về chuyển giao người bị kết án phạt tù.

³ Sau khi Luật TTTP có hiệu lực tổng số các yêu cầu hai chiều (Việt Nam gửi đi nước ngoài, nước ngoài gửi Việt Nam) là: TTTP dân sự 46.494 yêu cầu, TTTP hình sự là: 3369, dẫn độ là: 89 yêu cầu, chuyển giao người bị kết án phạt tù là: 136 yêu cầu

2.3. Bất cập, hạn chế và nguyên nhân

a) Bất cập, hạn chế

Bên cạnh những hiệu quả tích cực đã đạt được, thực tiễn triển khai thực hiện Luật TTTP, Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành nhận thấy các quy định của Luật TTTP và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa bao quát hết các vấn đề cần điều chỉnh, còn bất cập, chưa đáp ứng sự phát triển của thực tiễn, làm giảm hiệu quả của công tác TTTP cần được giải quyết một cách tổng thể, cụ thể:

Thứ nhất, những quy định chung của Luật TTTP chưa đảm bảo điều chỉnh được đầy đủ những nội dung đặc thù riêng của từng lĩnh vực, điển hình là tính chất khác nhau của các lĩnh vực: hợp tác trong TTTP hình sự là tối đa khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, trong chuyên giao người chấp hành hình phạt tù là nhân đạo chỉ khi có sự đồng ý của người chấp hành hình phạt tù; TTTP dân sự xuất phát từ yêu cầu giải quyết vụ việc của đương sự mang tính chất tư trong khi cơ sở để thực hiện TTTP hình sự, dẫn độ lại từ yêu cầu của cơ quan tổ tụng để bảo vệ pháp luật và lợi ích của nhà nước mang tính chất công.

Thứ hai, quy định chung về áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong TTTP khi không có ĐUQT chưa phù hợp với đòi hỏi về thời gian của việc thực hiện các yêu cầu. Do tính chất khác nhau của 4 lĩnh vực việc xem xét áp dụng nguyên tắc có đi có lại có nhiều điểm khác biệt: trong TTTP dân sự việc áp dụng nguyên tắc này gần như tự động, chỉ từ chối khi có sự thiếu thiện chí của đối tác nước ngoài nhưng TTTP hình sự, dẫn độ và chuyên giao người đang chấp hành hình phạt tù thì việc áp dụng cần được xem xét cân trọng hơn tính đến các vấn đề nhạy cảm về ngoại giao, chính trị.

Thứ ba, quy định giao Bộ Tư pháp làm đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước về hoạt động TTTP khiến công tác phối hợp thực hiện chức năng này còn hạn chế, chủ yếu nặng về hình thức thông qua hoạt động báo cáo tổng hợp thông tin, số liệu từ các cơ quan đầu mối TTTP từng lĩnh vực.

Thứ tư, các quy định về chi phí thực hiện tương trợ tư pháp dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyên giao người chấp hành hình phạt tù tại Luật Tương trợ tư pháp chưa tạo điều kiện thuận lợi cho việc ký kết các điều ước quốc tế. Về cơ bản các chi phí thực hiện yêu cầu giữa Việt Nam và nước ngoài trong cả 04 lĩnh vực theo quy định của Luật TTTP sẽ do nước yêu cầu chi trả. Tuy nhiên, xuất phát từ tính ưu việt của việc có ĐUQT so với việc phải thực hiện qua kênh ngoại giao trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại, các bên ký kết sẽ không thu phí thực hiện yêu cầu của nhau hoặc chi phí phát sinh tại lãnh thổ của bên nào thì bên đó chi trả (không bắt buộc bên yêu cầu phải chịu). Do đó, quy định tại Luật TTTP gây

vướng mắc cho việc ký kết ĐUQT, khi đó cơ quan đề xuất ký kết phải giải trình vì xét về bản chất nội dung này chưa thực sự phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Thứ năm, quy định của Luật TTTP chưa phù hợp với đòi hỏi, nhu cầu ký kết, thực hiện các ĐUQT mới của Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực TTTP hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Một số nội dung Luật chưa quy định, có thể kể đến như: việc người tiến hành tố tụng của nước yêu cầu được tham gia một số hoạt động trong quá trình thực hiện TTTP hình sự tại nước được yêu cầu, thẩm quyền, trình tự thủ tục cam kết không áp dụng hình phạt tử hình, TTTP trong phong toả, kê biên, thu giữ tịch thu và xử lý tài sản do phạm tội mà có; “bắt khẩn cấp” trước khi có yêu cầu dẫn độ chính thức, thủ tục dẫn độ đơn giản, áp giải và bảo vệ người bị dẫn độ; tạm tha có điều kiện trong chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù ...

Thứ sáu, một số quy định về TTTP hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù của Luật TTTP chưa thực sự phù hợp thực tế, chưa bao quát được phạm vi vấn đề cần điều chỉnh, còn mâu thuẫn, ví dụ như thiếu quy định về thủ tục chấm dứt (“đóng”) yêu cầu TTTP hình sự, quy định giải quyết trường hợp yêu cầu dẫn độ của nhiều nước với một người đến sau khi Toà án có thẩm quyền đã thụ lý yêu cầu dẫn độ trước, kết hợp thủ tục dẫn độ và thủ tục yêu cầu nước ngoài truy cứu trách nhiệm hình sự, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù vừa là công dân của nước nhận vừa là công dân của nước chuyển giao, chuyển giao các đối tượng bị truy nã quốc tế, chuyển giao người chấp hành hình phạt tù là người chưa thành niên...

Thứ bảy, một số quy định của Luật TTTP chưa đáp ứng yêu cầu mới của sự phát triển trong lĩnh vực TTTP dân sự, trong đó có vấn đề về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Một số vướng mắc có thể kể đến như: thiếu quy định về việc áp dụng pháp luật nước ngoài để thực hiện TTTP, chưa quy định các quy trình, thủ tục thực hiện theo các điều ước đa phương về TTTP mà Việt Nam là thành viên (Công ước La Hay về tổng đạt giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại, Công ước La Hay về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại), chưa tạo điều kiện cho việc xã hội hoá hoạt động tổng đạt giấy tờ, tin học hoá hồ sơ TTTP hay thực hiện các hoạt động TTTP dân sự theo phương thức điện tử đáp ứng yêu cầu hiện đại hoá và giảm tải cho các cơ quan nhà nước...

(Kết quả đánh giá cụ thể tại Phụ lục IV)

b) Nguyên nhân

Chính những vướng mắc, bất cập nêu trên của Luật TTTP đã phản ánh nguyên nhân của tình trạng này, đó là:

Thứ nhất, Luật TTTP đang điều chỉnh cả 4 lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù nhưng 4 lĩnh vực này có cách tiếp cận, giải quyết vấn đề không hoàn toàn giống nhau;

Thứ hai, sự phát triển của các hoạt động TTTP trong từng lĩnh vực và yêu cầu của tổ tụng, hợp tác quốc tế trong thời kỳ hội nhập tại thời điểm hiện nay khiến nhiều quy định của Luật TTTP sau 15 năm không còn phù hợp, nhiều nội dung chưa được dự liệu khi xây dựng Luật năm 2007.

III. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP SỬA ĐỔI LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VÀ KHẢ NĂNG TÁCH LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP THÀNH CÁC LUẬT RIÊNG ĐIỀU CHỈNH TỪNG LĨNH VỰC

1. Sự cần thiết và mục tiêu sửa đổi Luật Tương trợ tư pháp

1.1. Sự cần thiết

Với kết quả rà soát Luật TTTP nêu trên, đặt ra yêu cầu phải sửa đổi Luật TTTP để tạo cơ sở pháp lý hiện đại, hoàn thiện hơn đáp ứng yêu cầu thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm, giải quyết các vụ việc dân sự và hình sự trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cải cách pháp luật, tư pháp được khẳng định trong Văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, đặc biệt là yêu cầu “*Hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mối quan hệ giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế*” tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Việc sửa đổi Luật TTTP còn góp phần hiện đại hoá các quy định về TTTP, đảm bảo tính thống nhất, tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

1.2. Mục tiêu sửa đổi Luật Tương trợ tư pháp

- Khắc phục những hạn chế, bất cập về pháp luật TTTP trong thời gian vừa qua; tạo cơ sở pháp lý độc lập để điều chỉnh hoạt động TTTP trong từng lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù;

- Làm rõ và phát huy tính chủ động, chịu trách nhiệm trực tiếp của các cơ quan đầu mối trong từng lĩnh vực TTTP;

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp và góp phần giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm có yếu tố nước ngoài, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Thiết lập được cơ chế phối hợp có hiệu quả giữa các cơ quan đầu mối thực hiện hoạt động TTTP trong nước, giữa Việt Nam và nước ngoài tạo cơ sở thúc đẩy hoạt động này.

2. Giải pháp sửa đổi và khả năng tách Luật Tương trợ tư pháp thành các luật riêng điều chỉnh từng lĩnh vực

2.1. Giải pháp sửa đổi Luật Tương trợ tư pháp

Trên cơ sở đánh giá những bất cập, hạn chế của Luật TTTP, các Bộ, ngành đều thống nhất kiến nghị giải pháp tách Luật TTTP hiện hành thành 04 luật độc lập điều chỉnh từng lĩnh vực TTTP về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Đây cũng là giải pháp về hoàn thiện thể chế đã được Chính phủ đề xuất tại Báo cáo công tác tương trợ tư pháp thường niên trình Quốc hội các năm 2017, 2018, 2019. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng cần cân nhắc đánh giá thêm giải pháp giữ nguyên phạm vi điều chỉnh đa lĩnh vực như Luật TTTP hiện hành, sửa đổi những bất cập, hạn chế, bổ sung những khoảng trống mà luật này chưa điều chỉnh.

2.2. Đánh giá khả năng tách Luật Tương trợ tư pháp thành 04 Luật riêng điều chỉnh từng lĩnh vực

Thực tế thực hiện cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu hội nhập quốc tế, đòi hỏi công tác TTTP trong cả 04 lĩnh vực cần phải được đổi mới toàn diện từ các quy định pháp luật đến tổ chức thực hiện.

TTTP không chỉ được nhìn nhận đơn thuần là hoạt động hỗ trợ tổ tụng giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để góp phần giải quyết các vụ việc thuộc chức năng của nhà nước, mà hơn hết là một hoạt động vì mục tiêu nhân quyền, đảm bảo quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một toà án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị và được lập ra trên cơ sở pháp luật” được ghi nhận tại Điều 14 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), và Hiến pháp năm 2013.

Hiện nay tình hình quốc tế, khu vực chuyển biến nhanh chóng với nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, chưa có tiền lệ, dưới tác động mạnh của Cách mạng Công nghiệp 4.0, toàn cầu hóa cùng với sự phát triển nhanh về kinh tế - xã hội, tốc độ mở cửa, hội nhập quốc tế cao của đất nước phát sinh ngày càng nhiều các vấn đề pháp lý có yếu tố nước ngoài cần được điều chỉnh. Trong lĩnh vực TTTP, hệ quả thể hiện ở việc các yêu cầu TTTP dân sự, hình sự, yêu cầu dẫn độ, chuyển giao người chấp hành hình phạt tù hàng năm tăng về số lượng, phức tạp về nội dung, ngoài các yêu cầu TTTP dân sự, hình sự truyền thống tổng đạt giấy tờ, lấy lời khai đã xuất hiện các yêu cầu TTTP thu thập chứng cứ trực tuyến, thu hồi tài sản do phạm tội mà có hay tổ chức cho người làm chứng sang nước ngoài

hỗ trợ điều tra, thu thập chứng cứ hay các yêu cầu dẫn độ kết hợp với truy cứu trách nhiệm hình sự... Những yêu cầu mới này không giống nhau ở các lĩnh vực TTTP đòi hỏi một thể chế pháp lý phù hợp riêng cho từng lĩnh vực.

Là một trong tám nhiệm vụ trọng tâm của cải cách tư pháp của Việt Nam hiện nay, việc tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động TTTP và hợp tác quốc tế về tư pháp trong từng lĩnh vực sẽ thể hiện thiện chí, nâng cao hình ảnh và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Ngoài các vấn đề nêu trên, về việc ký kết ĐUQT về TTTP, nếu trước đây, các ĐUQT mà Việt Nam là thành viên điều chỉnh cả 4 lĩnh vực hoặc nhiều lĩnh vực TTTP⁴ thì hiện nay các ĐUQT đã tách riêng từng lĩnh vực, thể hiện sự phát triển mạnh mẽ, chuyên sâu theo lĩnh vực của các hoạt động TTTP trên bình diện quốc tế. Trên phạm vi toàn cầu, Liên hợp quốc cũng đã ban hành Luật mẫu về dẫn độ năm 2004 và Luật mẫu về TTTP hình sự năm 2007 để làm cơ sở cho các quốc gia tham khảo, đàm phán và xây dựng pháp luật trong nước. Trong phạm vi khu vực, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã thông qua Hiệp định về TTTP hình sự, đã đàm phán xong Hiệp định mẫu về dẫn độ và đang xúc tiến đàm phán Hiệp định mẫu về chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù.

Việc tách Luật TTTP thành 04 luật riêng điều chỉnh từng lĩnh vực có thể được đánh giá thông qua việc phân tích mặt tích cực và hạn chế của giải pháp này như sau:

* Mặt tích cực

Thứ nhất, đối với vấn đề hoàn thiện hệ thống pháp luật, việc ban hành Luật TTTP theo từng lĩnh vực sẽ tạo cơ sở pháp lý hoàn thiện pháp luật chuyên ngành của từng lĩnh vực TTTP về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù; khẳng định vị trí và vai trò của từng lĩnh vực TTTP. Việc tách Luật TTTP đảm bảo giải quyết được nguyên nhân chủ yếu gây ra vướng mắc trong hoạt động TTTP được nêu tại Mục II.2.3 báo cáo này mà không ảnh hưởng đến sự gắn kết, phối hợp giữa các cơ quan đầu mối thực hiện TTTP; tạo điều kiện đồng bộ, thống nhất quy định pháp luật TTTP với các văn bản quy phạm pháp luật về tố tụng có liên quan trong từng lĩnh vực như Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật tố tụng hành chính năm 2015 mà không phải sửa đổi riêng lẻ từng đạo luật.

⁴ Các Hiệp định TTTP song phương ký trước khi ban hành Luật TTTP thường điều chỉnh chung TTTP dân sự, TTTP hình sự, dẫn độ, một vài Hiệp định điều chỉnh thêm cả chuyển giao người chấp hành hình phạt tù và chỉ định Bộ Tư pháp là cơ quan trung ương trong TTTP dân sự, VKSND tối cao là cơ quan trung ương trong các lĩnh vực còn lại.

Thứ hai, đối với tổ chức thực thi pháp luật về TTTP, việc ban hành Luật TTTP theo từng lĩnh vực sẽ khắc phục hạn chế, chồng chéo và không thống nhất giữa các cơ quan quản lý về phạm vi điều chỉnh của từng lĩnh vực TTTP. Khi tách thành các luật riêng, từng cơ quan đầu mối tương ứng đã có sẵn bộ máy và có kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện hoạt động TTTP theo Luật TTTP hiện hành. Do vậy, công tác tổ chức thi hành các luật sau khi được ban hành hoàn toàn khả thi, không gặp khó khăn, vướng mắc. Các bộ, ngành được giao quản lý nhà nước sẽ chủ động triển khai, phát huy sáng tạo và tự chịu trách nhiệm đối với nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được phân công, từ đó hoạt động TTTP trong từng lĩnh vực sẽ hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, việc gắn trách nhiệm của các Bộ, ngành vào từng hoạt động TTTP sẽ giúp cho việc chỉ đạo, bố trí nguồn lực thuận lợi và tránh chồng chéo trong công tác quản lý hoạt động TTTP; đảm bảo việc thực hiện công tác TTTP hiệu quả; góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm và bảo đảm quyền và lợi ích của cá nhân, tổ chức và của nhà nước trong các giao dịch dân sự, thương mại; từ đó tác động tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội; góp phần bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Thứ ba, đối với công tác đàm phán, ký và thực hiện ĐUQT, việc ban hành Luật TTTP theo từng lĩnh vực sẽ tạo cơ sở pháp lý để các Bộ, ngành chủ động và quy định rõ vai trò của các cơ quan trong quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện ĐUQT về TTTP. Các Hiệp định TTTP song phương được đàm phán và ký thời gian gần đây đã tách thành các hiệp định TTTP trong từng lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Ví dụ: các Hiệp định với Hung-ga-ri, Lào, Séc... . Yêu cầu và xu hướng đàm phán, ký kết các Hiệp định TTTP trong từng lĩnh vực thời gian gần đây cũng mở rộng hơn so với các quy định hiện hành của Luật TTTP.

Thứ tư, việc xây dựng Luật TTTP theo từng lĩnh vực cũng phù hợp với xu thế chung của nhiều quốc gia trên thế giới. Nghiên cứu kinh nghiệm của các quốc gia cho thấy, hầu hết các nước không điều chỉnh TTTP trong lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù trong một luật chung. Một số quốc gia lân cận như Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Xinh-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a đều đã xây dựng và ban hành các luật riêng về TTTP trong lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù.

Thứ năm, việc xây dựng những luật TTTP riêng trong từng lĩnh vực cũng hoàn toàn phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện hệ thống pháp luật. Nghị Quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 cũng đã xác định một nhiệm vụ trong định hướng xây

dựng và hoàn thiện pháp luật về hội nhập quốc tế là “sớm ban hành Luật dẫn độ tội phạm và chuyển giao người bị kết án phạt tù”; Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng có nêu một trong những phương hướng hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là hoàn thiện pháp luật TTTP phù hợp với pháp luật quốc tế.

* Hạn chế

Việc xây dựng các luật TTTP riêng có thể cần có thêm các nguồn lực trong xây dựng và tổ chức thi hành 04 đạo luật riêng rẽ. Tuy vậy, việc sửa Luật TTTP hiện hành theo phương án này sẽ không còn quản lý nhà nước chung về TTTP trong cả 04 lĩnh vực nữa. Các Bộ, ngành đầu mối TTTP trong từng lĩnh vực sẽ thực hiện chức năng quản lý nhà nước, chịu trách nhiệm trực tiếp và báo cáo các cấp có thẩm quyền.

Để thấy được tính ưu việt của giải pháp tách Luật Tương trợ tư pháp thành thành 04 Luật riêng điều chỉnh từng lĩnh vực, ta cũng cần phải phân tích mặt tích cực và hạn chế của giải pháp giữ nguyên phạm vi điều chỉnh đa lĩnh vực như Luật TTTP hiện hành, sửa đổi những bất cập, hạn chế, bổ sung những khoảng trống mà luật này chưa điều chỉnh, cụ thể như sau:

* Mặt tích cực

Việc sửa đổi Luật TTTP hiện hành với việc giữ nguyên phạm vi điều chỉnh của cả 04 lĩnh vực cũng có thể khắc phục được một số thiếu sót của những quy định hiện hành, bổ sung những khoảng trống Luật TTTP chưa điều chỉnh; tiếp tục giúp Chính phủ có sự thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động TTTP; thông tin toàn diện về công tác TTTP cả 4 lĩnh vực cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua hoạt động định kỳ hàng năm Chính phủ trình Quốc hội Báo cáo về hoạt động TTTP. Tuy nhiên giải pháp này lại không có nhiều tác động tích cực đối với việc thực hiện hoạt động TTTP theo từng lĩnh vực.

* Hạn chế

Như đã phân tích ở trên việc sửa đổi Luật TTTP theo hướng giữ nguyên phạm vi điều chỉnh của 04 lĩnh vực trong cùng một luật sẽ:

Thứ nhất, không khắc phục triệt để được các hạn chế, bất cập trong quản lý nhà nước và thực hiện hoạt động TTTP trong từng lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù.

Thứ hai, không tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc hoàn thiện pháp luật về TTTP phù hợp với mức độ phát triển của hoạt động TTTP trong từng lĩnh vực và phát huy vai trò, vị trí của từng cơ quan đầu mối thực hiện hoạt động TTTP.

Thứ ba, không tương xứng về dung lượng, kết cấu trong Luật TTTP sau khi được sửa đổi, bổ sung khi phần TTTP về dân sự đã tương đối phù hợp với BLTTDS, trong khi các phần khác cần bổ sung nhiều quy định đảm bảo phù hợp các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Thứ tư, không theo kịp xu hướng chung trên thế giới và chưa thực sự phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về hợp tác tư pháp và pháp luật trong lĩnh vực TTTP, từ đó mục đích phòng chống tội phạm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân không đạt được tối đa.

3. Kiến nghị lựa chọn giải pháp sửa đổi Luật Tương trợ tư pháp, yêu cầu và lộ trình thực hiện

3.1 Kiến nghị lựa chọn giải pháp sửa đổi Luật Tương trợ tư pháp

Trên cơ sở phân tích đánh giá tác động của 02 giải pháp sửa Luật TTTP nói trên, Bộ Tư pháp và các bộ, ngành nhận thấy việc sửa đổi Luật TTTP theo hướng xây dựng các luật riêng trong từng lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; phù hợp với xu hướng chung của thế giới; và việc xây dựng thành các luật riêng sẽ giúp cho việc quản lý nhà nước có hiệu quả và tạo sự chủ động, nâng cao vai trò và vị trí của các cơ quan đầu mối thực hiện hoạt động TTTP trong từng lĩnh vực; và hoàn thiện hệ thống pháp luật về TTTP trong lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Từ kết quả tổng kết thực tiễn thực thi Luật TTTP, đánh giá các giải pháp hoàn thiện pháp luật, các bộ, ngành đều thống nhất giải pháp sửa đổi Luật TTTP theo hướng tách thành 4 luật riêng và đã có đề xuất với Chính phủ⁵.

3.2. Yêu cầu

Trên cơ sở kiến nghị của các Bộ, ngành, địa phương qua thực tiễn thi hành Luật TTTP, kết hợp với kết quả nghiên cứu trong quá trình thực hiện Luật, có thể nêu một số yêu cầu và định hướng lớn xây dựng các Luật trong từng lĩnh vực, cụ thể như sau:

Một là, thể chế hóa toàn diện, sâu sắc các quan điểm, chủ trương của Đảng và pháp luật Nhà nước về cải cách tư pháp và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp.

Hai là, các luật mới sẽ được xây dựng trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các chính sách còn phù hợp của Luật TTTP trong từng lĩnh vực; bảo đảm khắc phục

⁵ Công văn số 2679/BCA-V19 ngày 2/11/2017 của Bộ Công an, Công văn số 4336/VKSTC-V14 ngày 27/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Công văn số 4450/BNG-LS ngày 31/10/2017 của Bộ Ngoại giao, Công văn số 211/TANDTC-HTQT ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tối cao và ý kiến phê duyệt của Chính phủ tại Công văn số 1083/CP-VPCP ngày 30/01/2018 của Văn phòng Chính phủ.

những hạn chế của pháp luật hiện hành và bất cập trong thực tiễn hoạt động TTTP trong từng lĩnh vực.

Ba là, bảo đảm phù hợp với các văn bản pháp luật trong nước có liên quan và tương thích với các ĐUQT mà Việt Nam là thành viên.

Bốn là, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm xây dựng các quy định pháp luật của nước ngoài tương ứng trong từng lĩnh vực.

Năm là, đảm bảo trách nhiệm của cơ quan được giao nhiệm vụ giúp Chính phủ quản lý nhà nước trong từng lĩnh vực.

Sáu là, đề xuất xây dựng các luật phải tiến hành đồng bộ, cùng thời điểm.

3.3. Về cơ quan lập đề nghị xây dựng các luật và thời gian trình

Căn cứ Kết luận số 19-KL/TW, Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15, Quyết định số 2114/QĐ-TTg, chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành, Bộ Tư pháp đề xuất:

- Về cơ quan lập đề nghị xây dựng các luật:

+ Bộ Tư pháp chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về dân sự;

+ Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về hình sự;

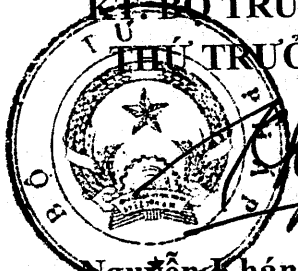
+ Bộ Công an chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật Dẫn độ và Luật Chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù.

- Thời gian: Hồ sơ đề xuất xây dựng các luật trình Ủy ban thường vụ Quốc hội trước 31/12/2023 đề xuất đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025.

Trên đây là Báo cáo rà soát Luật Tương trợ tư pháp và nghiên cứu khả năng tách Luật Tương trợ tư pháp, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo. *Phu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, TAND tối cao, VKSND tối cao (để ph/h);
- Lưu: VT, Vụ PLQT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TƯỚNG

Phuoc
Nguyễn Khánh Ngọc

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐÃ ĐƯỢC RÀ SOÁT

(Kèm theo Báo cáo số 24^l /BC-BTP ngày 8 tháng 08 năm 2023)

I. LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

STT	VĂN BẢN
1	Luật Tương trợ tư pháp
2	Nghị định 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tương trợ tư pháp
3	Thông tư số 144/2012/TT-BTC ngày 04/9/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác tương trợ tư pháp
4	Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BNG ngày 16/8/2013 hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự
5	Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BCA-BTP-BNG-VKSNDTC-TANDTC ngày 22/02/2013 hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao, tiếp tục thi hành án đối với người đang chấp hành hình phạt tù
6	Thông tư 203/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thực hiện UTTP về dân sự có yếu tố nước ngoài (Thay thế thông tư 18/2014/TT-BTC ngày 11/02/2014)
7	Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG ngày 5/12/2019 quy định về trình tự, thủ tục phối hợp giữa tòa án nhân dân và cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện một số hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính ở nước ngoài
8	Thông tư số 43/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về các loại mẫu giấy tờ trong công tác dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân.

II. CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP

STT	VĂN BẢN
1	Hiến pháp 2013
2	Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)
3	Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015
4	Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015
5	Luật tố tụng hành chính năm 2015
6	Luật Thi hành án hình sự năm 2019
7	Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)
8	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2021
9	Luật Đặc xá
10	Luật Thi hành án hình sự
11	Pháp lệnh thủ tục bắt giữ tàu biển năm 2008
12	Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng năm 2012
13	Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTT ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tố tụng hành chính)
14	Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTT ngày 3/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự
15	Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 3/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ ba Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự
16	Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐTT ngày 3/12/2012 của Hội đồng thẩm phán

	Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định trong phần thứ ba Thủ tục giải quyết vụ án Tại tòa án cấp phúc thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự
17	Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án
18	Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 của Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện lại vụ án
19	Nghị quyết số 03/2018/ND-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân
20	Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự
21	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự
22	Nghị định 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại
23	Nghị định số 133/2020/NĐ-CP ngày 09/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự.
24	Thông tư số 54/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân

PHỤ LỤC II
DANH MỤC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP

(Kèm theo Báo cáo số 248 /BC-BTP ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tư pháp)

TT	Tên Hiệp định	Ngày ký/gia nhập	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
A. CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ KÝ TRƯỚC NĂM 2008				
1	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự với Ba Lan	22/3/1993	18/01/1995	
2	Hiệp định TTTP và pháp lý về dân sự và hình sự với Tiệp Khắc (Séc và Xlôvia kế thừa)	12/10/1982	16/4/1994 16/4/1984	
3	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự với Cu Ba	30/11/1984		
4	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự với Bun-ga-ri	03/10/1986		
5	Hiệp định TTTP về dân sự và hình sự với Lào	06/7/1998	19/02/2000	
6	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự với Nga <i>Nghị định thư bổ sung Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự với Nga (Nghị định thư bổ sung chỉ quy định một điểm trong Khoản 1, Điều 63 phần về hình sự)</i>	25/8/1998 23/4/2003	27/8/2012 27/7/2012	
7	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự với U-crai-na	6/4/2000	19/8/2002	
8	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự với Mông Cổ	17/4/2000	13/6/2002	
9	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự với Bê-la-rút	14/9/2000	18/10/2001	
10	Hiệp định TTTP CHDCND Triều Tiên	03/5/2002	24/2/2004	
11	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự và hình sự với Trung Quốc	19/10/1998	25/12/1999	
12	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Pháp	24/02/1999	5/01/2001	
13	Hiệp định TTTP về hình sự giữa CHXHCN	15/9/2003	19/4/2005	

TT	Tên Hiệp định	Ngày ký/gia nhập	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
	Việt Nam và Đại Hàn Dân Quốc			
14	Hiệp định TTTP về hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Ấn Độ	8/10/2007	11/7/2008	
15	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Đại Hàn Dân Quốc	15/9/2003	19/4/2005	
16	Hiệp định ASEAN về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự	29/11/2004	20/9/2005	(chỉ có hiệu lực giữa các nước đã phê chuẩn)
B. CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ KÝ/GIA NHẬP SAU NĂM 2008				
I	TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ			
1	Thoả thuận TTTP trong lĩnh vực dân sự và thương mại giữa Văn phòng văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc và Văn phòng văn hoá Đài Bắc tại Việt Nam	12/4/2010	02/12/2011	
2	Hiệp định TTTP về dân sự và thương mại giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân An-giê-ri	14/4/2010	24/6/2012	
3	Hiệp định TTTP trong lĩnh vực dân sự và thương mại giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước Cộng hòa Ca-đắc-xtan	31/10/2011	28/6/2015	
4	Hiệp định TTTP trong lĩnh vực dân sự giữa CHXHCN Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia	21/01/2013	9/10/2014	
5	Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự giữa Việt Nam và Hungary	10/9/2018	06/3/2019	
6	Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự giữa Việt Nam và Thái Lan	16/11/2022		Chưa có hiệu lực
7	Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự giữa Việt Nam và Lào	11/1/2023		Chưa có hiệu lực, thay thế phần dân sự của Hiệp định TTTP về dân sự và hình sự giữa Việt Nam

TT	Tên Hiệp định	Ngày ký/gia nhập	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
				và Lào ký ngày 6/7/1998
8	Công ước La Hay năm 1965 về tổng đặt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại	01/4/2016	01/10/2016	
9	Công ước La Hay năm 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại	04/3/2020	3/5/2020	
II	TRONG LĨNH VỰC HÌNH SỰ			
1	Hiệp định TTTP về hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ailen	13/01/2009	309/2009	
2	Hiệp định TTTP về hình sự giữa Việt Nam và An-giê-ri	14/4/2010	28/3/2014	
3	Hiệp định TTTP về hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và In-đô-nê-xi-a	27/6/2013	21/01/2016	
4	Hiệp định TTTP về hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Ôt-xtờ-rây-li-a	02/7/2014	05/4/2017	
5	Hiệp định TTTP về hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Tây Ban Nha	18/9/2015	08/7/2017	
6	Hiệp định TTTP về hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Hung-ga-ri	16/3/2016	30/6/2017	
7	Hiệp định TTTP về hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Pháp	06/9/2016	01/5/2020	
8	Hiệp định TTTP về hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CH Ca-dắc-xtan	15/6/2017	01/6/2019	
9	Hiệp định TTTP về hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia	20/12/2016	02/10/2020	
10	Hiệp định TTTP về hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Cuba	29/3/2018	29/9/2018	
11	Hiệp định TTTP về hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Mô-dăm bích	03/12/2018	11/9/2020	
12	Hiệp định TTTP về hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CHNDND Lào	8/1/2020	18/02/2021	
13	Hiệp định TTTP về hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Nhật Bản	24/11/2021	31/8/2022	

TT	Tên Hiệp định	Ngày ký/gia nhập	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
III	TRONG LĨNH VỰC DẪN ĐỘ			
1	Hiệp định về dẫn độ giữa Việt Nam và An-giê-ri	14/4/2010	28/3/2014	
2	Hiệp định về dẫn độ giữa Việt Nam và Ấn Độ	12/10/2011	12/8/2013	
3	Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và Ôt-xtrô-rây-li-a	10/4/2012	07/4/2014	
4	Hiệp định giữa CHXHCN Việt Nam và In-đô-nê-xi-a về dẫn độ	27/6/2013	26/4/2015	
5	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia	23/12/2013	9/10/2014	
6	Hiệp định dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Tây Ban Nha	01/10/2014	01/5/2017	
7	Hiệp định về dẫn độ giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hung-ga-ri	16/9/2013	30/6/2017	
8	Hiệp định dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Xri-lan-ca	07/4/2014	01/12/2017	
9	Hiệp định dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và CHND Trung Hoa	07/4/2015	12/12/2019	
10	Hiệp định dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hòa Pháp	06/9/2016	01/5/2020	
11	Hiệp định dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và CH Ca-dắc-xtan	15/6/2017	15/11/2019	
12	Hiệp định dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Mông Cổ	10/7/2019	28/5/2021	
13	Hiệp định dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hòa Mô-dăm-bích	9/12/2019	12/5/2021	
IV	TRONG LĨNH VỰC CHUYỂN GIAO			
1	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Vương quốc Anh và Bắc Ailen	12/9/2008	20/9/2009	
2	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa Việt Nam và Ôt-xtrô-rây-li-a	13/10/2009	11/12/2009	
3	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Đại Hàn Dân Quốc	29/5/2009	30/8/2010	

TT	Tên Hiệp định	Ngày ký/gia nhập	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
4	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Thái Lan	03/3/2010	19/7/2010	
5	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Hung-ga-ri	16/9/2013	30/6/2017	
6	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Xri-lan-ca	07/4/2014	16/5/2017	
7	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Tây Ban Nha	01/10/2014	01/5/2017	
8	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga	12/11/2013	15/5/2017	
9	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Ấn Độ	01/11/2013	01/12/2020	
10	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia	20/12/2016	01/10/2020	
11	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và CH Séc	07/6/2017	02/7/2019	
12	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Mông Cổ	16/10/2018	28/5/2021	
13	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Nhật Bản	01/7/2019	19/8/2020	
14	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Mô-dăm-bích	9/12/2019	12/5/2021	
15	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và CHDCND Lào	04/01/2021	16/7/2021	

PHỤ LỤC III

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, CHỈ ĐẠO CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ,

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP

(Kèm theo Báo cáo số 248/BC-BTP ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tư pháp)

STT	Tên văn bản	Nội dung
1	Nghị quyết số: 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị khoá IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết 48)	Mục II.6 đề ra định hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực TTTP là: Ký kết và gia nhập các công ước quốc tế về chống khủng bố quốc tế, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, chống rửa tiền, chống tham nhũng, các hiệp định tương trợ tư pháp. Chú trọng việc nội luật hoá những điều ước quốc tế mà Nhà nước ta là thành viên liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Sớm ban hành Luật dẫn độ tội phạm và chuyển giao người bị kết án phạt tù.
2	Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết thực hiện Nghị quyết 48	Mục 2.2 yêu cầu tập trung vào thể chế hoá Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII những nội dung đã được đề ra trong Nghị quyết 48 và các văn kiện của Đảng nhưng chưa được thể chế hoá và những vấn đề mới nảy sinh do thực tiễn đời sống.
3	Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị khoá IX về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Nghị quyết 49)	Mục III.2.6 yêu cầu thực hiện nhiệm vụ tăng cường hợp tác quốc tế về tư pháp: Tổ chức thực hiện tốt các điều ước quốc tế mà Nhà nước ta đã tham gia. Tiếp tục ký kết hiệp định tương trợ tư pháp với các nước khác, trước hết là với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và các nước có quan hệ truyền thống.
4	Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 49	Mục 2.1 yêu cầu tiếp tục quán triển và thực hiện các quan điểm, định hướng cải cách tư pháp nêu trong Nghị quyết 49; Mục 2.2 yêu cầu hoàn thiện chính sách, pháp luật về hình sự, dân sự, tố tụng tư pháp...
5	Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 về hội nhập quốc tế	Nêu định hướng: “Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác song phương về quốc phòng, an ninh với các nước láng giềng, các nước ASEAN, các nước lớn, các nước bạn bè truyền thống, từng bước đưa hợp tác đi vào chiều sâu, hiệu quả. Chủ động phát hiện, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch lợi

		<p>dùng hội nhập quốc tế để xâm phạm an ninh quốc gia nước ta. Đây mạnh quan hệ hợp tác với các cơ quan an ninh, tình báo, cảnh sát các nước, trước hết là các nước láng giềng, các nước lớn; chủ động, tích cực tham gia các cơ chế hợp tác chống tội phạm xuyên quốc gia và đối phó với các thách thức về an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng, an ninh mạng, an ninh biên và các thách thức an ninh phi truyền thống khác”.</p>
6	<p>Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII</p>	<p>Nghị quyết tiếp tục khẳng định chủ trương hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện, xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập trên cơ sở định hướng: “Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam”.</p>
7	<p>Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới</p>	<p>Nghị quyết đưa ra giải pháp về tăng cường, chủ động hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, theo đó có yêu cầu Hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mới quan hệ giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.</p>
8	<p>Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế</p>	<p>Điểm a Mục 6: Chủ động đề xuất ký kết điều ước quốc tế phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và Chính phủ về hội nhập quốc tế.</p>
9	<p>Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 29/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hội nhập quốc tế trong lĩnh vực an ninh, trật tự đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030</p>	<p>Quyết định nêu ra quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng đối với một số đối tác cụ thể, đề ra các giải pháp để đạt được mục tiêu. Một trong các nhiệm vụ cụ thể trong Chiến lược là: Hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước, triển khai tốt công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thừa thuận quốc tế tạo cơ sở pháp lý bảo đảm an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm, tiếp tục nghiên cứu xây dựng, đàm phán, ký kết, phê chuẩn các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế song phương và đa phương nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi trong hợp tác bảo vệ an ninh,</p>

		trật tự.
10	Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV	Các văn bản này yêu cầu rà soát các văn đề liên quan đến lĩnh vực TTTP, đánh giá việc thực hiện Luật TTTP, nghiên cứu khả năng tách Luật TTTP ra xây dựng riêng dự án Luật tương trợ tư pháp dân sự, Luật tương trợ tư pháp hình sự, Luật Dẫn độ và Luật Chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù.
11	Đề án số 292-ĐA/ĐBQH15 ngày 20/10/2021 của Đảng đoàn Quốc hội về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV	
12	Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV	
13	Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV	
14	Công văn số 1083/VPCP-PL ngày 30/01/2018 của Văn phòng Chính phủ	Thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, theo đó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tư pháp, Bộ Công an tổng kết thi hành Luật Tương trợ tư pháp thuộc lĩnh vực quản lý được phân công, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan trên cơ sở đó Bộ Tư pháp lập đề nghị xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, Bộ Công an lập đề nghị xây dựng Luật Dẫn độ, Luật Chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù; kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao nghiên cứu, tổng kết, lập đề nghị

		xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về hình sự.
15	Công văn số 2604/VP-CP-PL ngày 24/9/2020 của Văn phòng Chính phủ	Thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, theo đó, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công an tiếp tục nghiên cứu, lập hồ sơ đề nghị xây dựng 02 dự án: Luật Dẫn độ, Luật Chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù, Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu, lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự; đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Chính phủ lập đề nghị xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về hình sự trình Ủy ban thường vụ Quốc hội đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh 2025 cùng thời điểm Chính phủ trình đề nghị xây dựng 03 dự án luật.

PHỤ LỤC IV

KẾT QUẢ RÀ SOÁT ĐÁNH GIÁ NHỮNG BẤT CẬP, HẠN CHẾ CỦA LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP

(Kèm theo Báo cáo số 24 /BC-BTP ngày 01 tháng 7 năm 2023
của Bộ Tư pháp)

1. Những quy định chung của Luật Tương trợ tư pháp chưa đảm bảo sát với những đặc thù riêng của từng lĩnh vực

Luật Tương trợ tư pháp (Luật TTTP) có phạm vi điều chỉnh rộng, bao gồm cả 04 lĩnh vực tương trợ tư pháp (TTTP) về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Trong khi đó, mỗi lĩnh vực có đối tượng, phạm vi điều chỉnh mang tính chất đặc thù riêng. Việc điều chỉnh cả 04 lĩnh vực này trong cùng một luật dẫn đến quy định của Luật TTTP vừa thừa lại vừa thiếu, không có điểm trọng tâm, nhất là khi nội dung của các lĩnh vực không có nhiều gắn kết, tính chất và trình tự, thủ tục thực hiện ở mỗi lĩnh vực rất khác nhau. Các quy định chung của Luật không điều chỉnh được những đặc thù riêng trong từng lĩnh vực. Cụ thể như nguyên tắc hợp tác trong TTTP hình sự là hợp tác tối đa; trong khi nguyên tắc thực hiện chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù là nhân đạo, chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của người bị yêu cầu chuyển giao; hay cơ sở để thực hiện TTTP về dân sự lại xuất phát từ yêu cầu giải quyết vụ việc của đương sự, cơ sở để thực hiện TTTP về hình sự, dẫn độ lại xuất phát từ yêu cầu của cơ quan tố tụng để bảo vệ pháp luật, bảo vệ lợi ích của nhà nước. Ngoài ra, Luật TTTP chưa đưa ra định nghĩa đối với khái niệm “tương trợ tư pháp” và các khái niệm liên quan như “tương trợ tư pháp về dân sự”, “tương trợ tư pháp về hình sự”... dẫn đến cách hiểu, áp dụng chưa thống nhất đối với một số nội dung, ví dụ: khoản 1 Điều 67 của Luật quy định các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm thực hiện ủy thác tư pháp liên quan đến công dân Việt Nam ở sở tại trong khi theo Luật TTTP (Điều 5, Điều 10) thì đây không được coi là hoạt động TTTP, không liên quan đến thẩm quyền của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; hoặc trên thực tế, các cơ quan công an địa phương vẫn gửi Công văn đến Bộ Ngoại giao, chuyển đề nghị đến các Cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam yêu cầu phối hợp, xác minh, cung cấp tài liệu phục vụ điều tra nhiều quan điểm cho rằng đây không phải là hoạt động TTTP mà chỉ là phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các cơ quan nhà nước của Việt Nam.

2. Quy định chung về áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong tương trợ tư pháp khi không có điều ước quốc tế chưa phù hợp với đòi hỏi về thời gian của việc thực hiện các yêu cầu

Ngoài quy định Bộ Ngoại giao là cơ quan chủ trì phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xem xét, quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong quan hệ TTTP với nước hữu quan, Luật TTTP không quy định cụ thể thủ tục, trình tự, thời gian thực hiện nhiệm vụ này, gây khó khăn, lúng túng cho Bộ Ngoại giao cũng như các cơ quan liên quan. Bên cạnh đó, các yêu cầu đòi hỏi phải thực hiện một cách sớm nhất có thể để kịp thời đáp ứng các yêu cầu về thời hạn tố tụng cũng như thời hạn xem xét việc dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Do đó thủ tục phối hợp để xem xét áp dụng nguyên tắc có đi có lại vô tình kéo dài thời gian thực hiện TTTP, đồng thời giảm sự linh hoạt của các cơ quan chủ trì trong từng lĩnh vực. Mặt khác, do tính chất khác nhau của 04 lĩnh vực, nếu trong TTTP dân sự việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại chủ yếu phụ thuộc vào thiện chí của đối tác thì trong TTTP hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù việc áp dụng nguyên tắc này lại cần phải được xem xét cẩn trọng xuất phát từ vấn đề nhạy cảm mang tính ngoại giao, chính trị.

3. Quy định giao Bộ Tư pháp làm đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước về hoạt động tương trợ tư pháp khiến công tác phối hợp thực hiện chức năng này còn hạn chế

Bộ Tư pháp khó phát huy vai trò cơ quan quản lý nhà nước chung về TTTP theo quy định của Luật TTTP do hoạt động TTTP ở 04 lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù có tính chất, nội dung, cơ chế tổ chức thực hiện với những đặc thù riêng và độc lập, nhất là giữa lĩnh vực dân sự với ba lĩnh vực còn lại. Việc thực hiện hợp tác quốc tế về TTTP chủ yếu thông qua các ĐUQT mà theo Luật Điều ước quốc tế năm 2016 thì từng bộ, ngành chủ trì có trách nhiệm đối với việc tổ chức thực hiện. Chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp Việt Nam có điểm khác so với Bộ Tư pháp các nước khác là không chủ trì phụ trách tư pháp hình sự. Do đó, công tác quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp còn nặng về hình thức và chủ yếu chỉ được thực hiện thông qua hoạt động báo cáo trên cơ sở tổng hợp thông tin, số liệu từ các cơ quan đầu mối TTTP về hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù.

4. Các quy định về chi phí thực hiện tương trợ tư pháp dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người chấp hành hình phạt tù tại Luật Tương trợ tư pháp chưa tạo điều kiện thuận lợi cho việc ký kết các điều ước quốc tế

Về cơ bản các chi phí thực hiện yêu cầu giữa Việt Nam và nước ngoài trong cả 04 lĩnh vực theo quy định của Luật TTTP sẽ do nước yêu cầu chi trả. Tuy nhiên, xuất phát từ tính ưu việt của việc có điều ước quốc tế (ĐUQT) so với không có ĐUQT phải thực hiện qua kênh ngoại giao trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại các bên ký kết sẽ không thu phí thực hiện yêu cầu của nhau hoặc chi phí phát sinh tại lãnh thổ của bên nào thì bên đó chi trả (không bắt buộc bên yêu cầu phải chịu). Do đó, quy định tại Luật TTTP gây vướng mắc cho việc ký kết ĐUQT, khi đó cơ quan đề xuất ký kết phải giải trình vì xét về bản chất nội dung này chưa thực sự phù hợp với pháp luật Việt Nam.

5. Một số quy định của Luật Tương trợ tư pháp chưa phù hợp với các cam kết quốc tế và điều ước quốc tế mới của Việt Nam

5.1 Trong lĩnh vực TTTP hình sự:

+ Luật chưa có các quy định về cho phép người tiến hành tố tụng của nước yêu cầu được tham gia một số hoạt động trong quá trình thực hiện tương trợ tư pháp tại nước được yêu cầu; tổ chức cho người tại nước được yêu cầu đến nước yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; chưa quy định cụ thể về tương trợ tư pháp trong việc phong tỏa, kê biên, thu giữ, tịch thu và xử lý tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội... là những hoạt động tương trợ tư pháp đã được quy định trong các điều ước quốc tế song phương và đa phương trong lĩnh vực tư pháp hình sự mà Việt Nam đã ký kết, tham gia và đã phát sinh trên thực tiễn;

+ Thiếu quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cam kết không áp dụng hình phạt tử hình. Một số yêu cầu chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài gửi đến Việt Nam hay yêu cầu TTTP của Việt Nam về tội phạm có thể áp dụng hình phạt tử hình theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam. Trong trường hợp này, các nước không áp dụng hình phạt tử hình thường yêu cầu Việt Nam phải có cam kết không áp dụng hình phạt tử hình hoặc tuyên tử hình nhưng không thi hành.

+ Điều 21 quy định về căn cứ từ chối thực hiện TTTP chưa có sự phân biệt trường hợp bắt buộc từ chối và trường hợp có thể từ chối thực hiện. Với xu hướng hợp tác tối đa trong TTTP về hình sự, nhiều quốc gia đã xem xét đồng ý thực hiện TTTP ngay cả khi hành vi có liên quan không cấu thành tội phạm theo quy định pháp luật của nước được yêu cầu trong trường hợp không áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Tuy nhiên, không đáp ứng nguyên tắc “tội phạm kép” vẫn là một trong những căn cứ dẫn đến việc phải bắt buộc từ chối thực hiện tương trợ tư pháp theo quy định tại Luật TTTP.

+ Các điều từ Điều 61 đến Điều 70 quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong hoạt động TTTP, trong đó có TTTP hình sự. Tuy nhiên, không quy định Cơ quan trung ương trong TTTP hình sự (mặc dù có quy định nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân tối cao là tiếp nhận, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện ủy thác tư pháp hình sự).

5.2 Trong lĩnh vực dẫn độ

+ Luật TTTP không có quy định về “bắt khẩn cấp” trước khi Nước yêu cầu đưa ra yêu cầu dẫn độ chính thức. Tuy nhiên, thông lệ quốc tế và trong nhiều điều ước quốc tế về dẫn độ mà Việt Nam đã ký kết có quy định này để ngăn chặn ngay việc người bị yêu cầu dẫn độ bỏ trốn, theo đó, nước yêu cầu dẫn độ có thể gửi yêu cầu bắt khẩn cấp đến nước được yêu cầu kèm theo cam kết sẽ gửi yêu cầu dẫn độ chính thức trong thời gian sớm nhất có thể. Mặc dù vậy, do chưa được quy định trong các văn bản pháp luật trong nước có liên quan nên biện pháp này không được áp dụng trên thực tế. BLTTHS năm 2015 đã quy định về các biện pháp ngăn chặn để bảo đảm cho việc xem xét yêu cầu dẫn độ hoặc thi hành quyết định dẫn độ gồm bắt, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền để bảo đảm, tạm hoãn xuất cảnh. Tuy nhiên, các biện pháp ngăn chặn chỉ được áp dụng đối với người bị xem xét yêu cầu dẫn độ hoặc bị dẫn độ sau khi Tòa án đã có quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ đối với người đó hoặc quyết định dẫn độ đối với người đó đã có hiệu lực pháp luật.

+ Thủ tục dẫn độ đơn giản đã được quy định trong một số hiệp định về dẫn độ, theo đó, trong trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ đồng ý với việc ra lệnh dẫn độ thì việc dẫn độ có thể được tiến hành kể cả khi các điều kiện về thủ tục chưa hoàn tất. Tuy nhiên Luật TTTP lại không quy định nội dung này, do đó các quy định của pháp luật hiện nay chưa tương thích với các ĐUQT. Cần nghiên cứu bổ sung quy định về thủ tục dẫn độ đơn giản để bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế; đồng thời tránh lãng phí thời gian của các cán bộ trực tiếp giải quyết các hồ sơ yêu cầu dẫn độ.

+ Trong ĐUQT về dẫn độ, các nước thường quy định một điều khoản liên quan đến việc quá cảnh người bị dẫn độ từ một nước thứ ba và người bị dẫn độ thường là đối tượng nguy hiểm cho xã hội, do đó cần được áp giải và bảo vệ nghiêm ngặt. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể về thủ tục áp giải và bảo vệ đối với người bị dẫn độ.

+ Pháp luật Việt Nam hiện nay có quy định hình phạt tử hình và không hạn chế việc dẫn độ đối với người có thể sẽ bị kết án tử hình. Tuy nhiên, một số hiệp định về dẫn độ giữa Việt Nam và các nước có quy định về cam kết không áp dụng án tử hình, theo đó, việc dẫn độ sẽ bị từ chối trong trường hợp tội phạm bị yêu cầu

dẫn độ bị kết án tử hình theo pháp luật của Bên ký kết yêu cầu, nhưng bên ký kết yêu cầu không đảm bảo chắc chắn cho bên ký kết được yêu cầu rằng sẽ không thi hành bản án tử hình đó. Một số quốc gia, đặc biệt là một số nước châu Âu không quy định hình phạt tử hình, do đó tương tự như yêu cầu TTT hình sự, khi tiến hành TTTP về dẫn độ, các quốc gia này đều đề nghị Việt Nam cam kết không tuyên phạt tử hình hoặc tuyên phạt nhưng không thi hành đối với người phạm tội. Tuy nhiên, vấn đề cam kết không áp dụng án tử hình trong thực hiện TTTP hình sự là một vấn đề rất lớn, phức tạp. Trên thực tế, các bộ, ngành phải vận dụng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 để trình Chủ tịch nước quyết định ân giảm hình phạt tử hình trước khi có bản án của tòa án để có thể đáp ứng yêu cầu của nước ngoài. Mặc dù vậy, đây chỉ là phương án mang tính tạm thời, chưa bảo đảm chặt chẽ về thủ tục tố tụng và tốn kém nhiều thời gian, trình tự thủ tục phức tạp, một số trường hợp không bảo đảm quy định về thời gian của phía nước ngoài đối với việc giam giữ người bị yêu cầu dẫn độ dẫn đến tình trạng đối tượng được trả tự do trước khi Việt Nam kịp đưa ra cam kết về việc không áp dụng hoặc tuyên nhưng không áp dụng hình phạt tử hình.

5.3 Trong lĩnh vực chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù

+ Thuật ngữ về đối tượng được chuyển giao chưa có sự thống nhất giữa Luật TTTP và các ĐUQT, các văn bản quy phạm pháp luật khác của Việt Nam có liên quan: Luật TTTP quy định đối tượng được chuyển giao là “người đang chấp hành hình phạt tù”, trong các Hiệp định hợp tác song phương với nước ngoài lại sử dụng thuật ngữ “người bị kết án phạt tù”; BLTTHS năm 2015, Luật Thi hành án hình sự năm 2019, Luật Công an nhân dân năm 2018 sử dụng thuật ngữ “người đang chấp hành án phạt tù”. Điều này gây khó khăn cho việc thống nhất áp dụng pháp luật khi xác định đối tượng được chuyển giao.

+ Về chi phí, Luật TTTP quy định chi phí do Bên yêu cầu chi trả. Tuy nhiên, tại các hiệp định song phương về chuyển giao người bị kết án phạt tù mà Việt Nam đã ký kết với các nước đều quy định chi phí cho việc chuyển giao do Bên nhận chi trả trừ chi phí phát sinh hoàn toàn trong lãnh thổ Bên chuyển giao, hiện nay Việt Nam chưa có nguồn kinh phí chi cho các hoạt động tiếp nhận phạm nhân là người Việt Nam đang chấp hành án phạt tù tại nước ngoài về Việt Nam tiếp tục chấp hành án, nhất là các chi phí ăn, ở, đi lại cho lực lượng áp giải và phạm nhân về Việt Nam. Trên thực tế, Việt Nam thường đề nghị phía nước ngoài hỗ trợ phần kinh phí này.

+ Về thời hạn còn lại phải chấp hành án của người được chuyển giao, Luật TTTP quy định người bị kết án phạt tù còn phải chấp hành ít nhất 01 năm, trong

trường hợp đặc biệt phải còn ít nhất 06 tháng. Tuy nhiên, trong hầu hết các hiệp định song phương về chuyển giao người bị kết án phạt tù mà Việt Nam đã ký kết với các nước đều quy định người bị kết án phạt tù còn phải chấp hành ít nhất 01 năm, trong trường hợp đặc biệt có thể dưới 01 năm do các Bên thống nhất.

+ Áp dụng điều kiện có sự đồng ý của người bị kết án phạt tù (nhiều quốc gia châu Âu đề nghị bỏ điều kiện có sự đồng ý của người bị kết án phạt tù), chuyển đổi hình phạt, tạm tha có điều kiện, thời hạn chấp hành án phạt tù còn nhiều vấn đề vướng mắc. Trong một số trường hợp phía nước ngoài đề nghị Việt Nam cam kết không tuyên hình phạt tử hình hoặc có tuyên nhưng không thi hành hình phạt tử hình đối với người đang chấp hành án phạt tù đồng thời là đối tượng truy nã của Việt Nam sau khi được chuyển giao về Việt Nam. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể về vấn đề này.

6. Một số quy định tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù còn nhiều khoảng trống, chưa dự liệu được những tình huống phát sinh thực tế, còn mâu thuẫn

6.1 Trong lĩnh vực hình sự

+ Luật TTTP chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện một số yêu cầu TTTP về hình sự như: Triệu tập người làm chứng, người giám định; dẫn giải người chấp hành hình phạt tù ra nước ngoài để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự... dẫn đến lúng túng, khó khăn trong việc thực hiện. Điển hình như yêu cầu về phong tỏa, thu giữ tài sản trên lãnh thổ Việt Nam kèm theo lệnh tịch thu của Tòa án nước ngoài. Luật TTTP chưa có quy định về chuyển hóa tố tụng đối với các lệnh, quyết định của nước ngoài để có hiệu lực trong lãnh thổ Việt Nam nên các cơ quan tiến hành tố tụng của Việt Nam gặp nhiều khó khăn khi triển khai thực hiện các yêu cầu này.

+ Luật TTTP chưa quy định thủ tục “đóng” yêu cầu TTTP hình sự trong trường hợp thời gian thực hiện đã lâu, Cơ quan trung ương đã nhiều lần có văn bản đôn đốc tiến độ nhưng không nhận được kết quả để cơ quan tiến hành tố tụng có căn cứ áp dụng các thủ tục tố tụng tiếp theo đối với vụ án hình sự có liên quan.

+ Luật TTTP chưa có quy định về cơ chế đặc thù trong việc tiếp nhận, giải quyết yêu cầu TTTP hình sự trực tiếp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương có chung đường biên giới với nước láng giềng, là cơ chế đã được quy định trong Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Lào. Chưa có quy định về cơ chế phối hợp giữa Cơ quan trung ương với cơ quan lập hồ sơ ủy thác tư pháp, cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam trong việc trao đổi thông tin, liên

hệ đôn đốc giải quyết yêu cầu tương trợ tư pháp. Chưa có quy định Cơ quan trung ương của Việt Nam có thẩm quyền lập ủy thác tư pháp trong trường hợp cụ thể do trong thực tế pháp luật một số quốc gia đòi hỏi yêu cầu tương trợ phải do Cơ quan trung ương của nước yêu cầu lập.

+ Luật chưa quy định việc gửi hồ sơ ủy thác tư pháp dưới hình thức điện tử nhằm nâng cao hiệu quả, tính kịp thời của việc tiếp nhận, giải quyết yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự trong khi một số Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự đã quy định và thực tiễn đã triển khai thực hiện.

+ Điều 20 khoản 1 điểm d quy định nơi gửi yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự tới là quốc gia nơi người phạm tội mang quốc tịch. Tuy nhiên, Điều 28 khoản 1 lại quy định nơi gửi yêu cầu tới là quốc gia nơi người phạm tội đang có mặt. Quy định như vậy là chưa thống nhất.

+ Điều 29 quy định cơ quan tiếp nhận truy cứu trách nhiệm hình sự công dân Việt Nam tại Việt Nam là cơ quan nơi công dân đó cư trú cuối cùng trước khi ra nước ngoài nhưng thực tế có nhiều trường hợp công dân Việt Nam đã ra nước ngoài trong thời gian dài, nhiều trường hợp công dân Việt Nam ra nước ngoài trái pháp luật, không khai báo đúng tên tuổi, nơi cư trú cuối cùng của mình. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 29, trường hợp chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự công dân Việt Nam tại Việt Nam trong giai đoạn điều tra thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận sau đó chuyển cho cơ quan điều tra cùng cấp để tiến hành điều tra; nếu việc chuyển giao thực hiện trong giai đoạn truy tố thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận và tiến hành truy tố. Quy định như vậy là chưa hợp lý vì có sự khác nhau trong việc xác định giai đoạn tố tụng theo quy định của pháp luật nước ngoài và Việt Nam.

6.2 Trong lĩnh vực dẫn độ

+ Giải quyết trường hợp yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người mà yêu cầu dẫn độ sau được gửi đến khi Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã thụ lý yêu cầu dẫn độ trước

Theo quy định tại Điều 39, trường hợp Bộ Công an nhận được văn bản của hai hoặc nhiều nước yêu cầu dẫn độ một người về cùng một tội phạm hoặc nhiều tội phạm khác nhau thì Bộ Công an chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, VKSNDTC, TANDTC xem xét, quyết định đáp ứng yêu cầu dẫn độ cho một trong các nước yêu cầu và chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho TAND cấp tỉnh xem xét, quyết định dẫn độ. Tuy nhiên, trên thực tế, các yêu cầu dẫn độ của các nước khác nhau thường không được gửi đến Bộ Công an cùng một thời điểm. Do Bộ

Công an chỉ được kiểm tra hồ sơ trong thời hạn 20 ngày, khả năng xảy ra trường hợp yêu cầu dẫn độ thứ hai được gửi đến Bộ Công an sau khi yêu cầu dẫn độ thứ nhất đã được chuyển đến TAND cấp tỉnh có thẩm quyền để thụ lý, giải quyết là rất cao.

Trong trường hợp này, Bộ Công an vẫn phải tiếp nhận và xử lý yêu cầu dẫn độ thứ hai và để bảo đảm thực hiện theo đúng quy định của Luật, TAND cấp tỉnh đã thụ lý yêu cầu dẫn độ thứ nhất buộc phải trả lại hồ sơ cho Bộ Công an để xem xét, quyết định việc đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, Luật chưa có quy định về việc TAND trả lại hồ sơ yêu cầu dẫn độ sau khi đã thụ lý hồ sơ. Đồng thời, việc này cũng sẽ gây mất thời gian và lãng phí, đặc biệt là đối với trường hợp có nhiều hơn 2 nước cùng yêu cầu dẫn độ với một người vì khi đó các hồ sơ sẽ liên tục được gửi đi gửi lại giữa Bộ Công an và TAND.

+ Giải quyết trường hợp người bị dẫn độ là công dân Việt Nam bị nước ngoài yêu cầu dẫn độ để thi hành án

Do dẫn độ có 02 mục đích là để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án đối với người bị yêu cầu dẫn độ, việc từ chối dẫn độ sẽ có hai trường hợp xảy ra: một là, từ chối dẫn độ người để truy cứu trách nhiệm hình sự; hai là, từ chối dẫn độ phạm nhân (hoặc người đã bị kết án bằng bản án hình sự có hiệu lực pháp luật) bỏ trốn để tiếp tục thi hành án hình sự. Hiện nay, Luật chỉ có quy định đối với trường hợp từ chối dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự, theo đó, căn cứ quy định tại Điều 29, VKSNDTC xem xét yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với công dân Việt Nam phạm tội ở nước ngoài đang có mặt tại Việt Nam. Như vậy, quy định này là bỏ sót trường hợp chuyển giao hồ sơ để tiếp tục thi hành án hình sự tại Bên được yêu cầu. Trong trường hợp phía nước ngoài yêu cầu dẫn độ để thi hành án hình sự đối với công dân Việt Nam, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phải từ chối dẫn độ công dân, tuy nhiên, cũng không thể truy cứu trách nhiệm hình sự của người bị yêu cầu dẫn độ (bảo đảm nguyên tắc hiến định “không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm”), dẫn đến việc bỏ lọt tội phạm. Để khắc phục thực trạng này, Điều 498 BLTTHS năm 2015 đã có quy định về cho thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ. Do vậy, cần nghiên cứu bổ sung quy định này vào Luật TTTP để bảo đảm tính thống nhất, tránh bỏ lọt tội phạm.

+ Giải quyết trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ bỏ trốn khỏi Việt Nam trước khi có căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn

BLTTHS năm 2015 đã lần đầu tiên quy định về các biện pháp ngăn chặn để bảo đảm cho việc xem xét yêu cầu dẫn độ hoặc thi hành quyết định dẫn độ gồm bắt, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền để bảo đảm, tạm hoãn xuất cảnh. Tuy nhiên, các biện pháp ngăn chặn chỉ được áp dụng đối với người bị xem xét yêu cầu dẫn độ hoặc bị dẫn độ sau khi tòa án đã có quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ đối với người đó hoặc quyết định dẫn độ đối với người đó đã có hiệu lực pháp luật. Thời gian qua, đã xuất hiện trường hợp nước yêu cầu có thông tin về việc đối tượng phạm tội đang cư trú tại Việt Nam và gửi hồ sơ yêu cầu dẫn độ đến Bộ Công an; nhưng trong thời gian xác minh thông tin và kiểm tra hồ sơ, đối tượng đã xuất cảnh sang nước thứ ba.

Đối với trường hợp này, Bộ Công an chưa có căn cứ để áp dụng biện pháp ngăn chặn, đồng thời, phía nước ngoài cũng không yêu cầu bắt khẩn cấp hay ra lệnh truy nã quốc tế. Tuy nhiên, việc để tội phạm xuất cảnh sang nước thứ ba có thể dẫn đến việc nước ngoài hiểu rằng Việt Nam không thiện chí hợp tác phòng, chống tội phạm và có biện pháp không thiện chí khi Việt Nam có yêu cầu dẫn độ tương tự.

+ Kết hợp thủ tục dẫn độ và thủ tục yêu cầu nước ngoài truy cứu trách nhiệm hình sự

Thực tế thời gian qua đã phát sinh một số trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ đã thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam một tội phạm không phải hành vi phạm tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ. Theo quy định của Luật TTTP, đối với trường hợp này, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phải tiếp nhận và giải quyết yêu cầu dẫn độ và trường hợp ra quyết định dẫn độ thì phải hoãn việc thi hành quyết định dẫn độ theo quy định tại Điều 44. Việc này sẽ dẫn đến nhiều hệ quả pháp lý phức tạp như việc phía nước ngoài có thể yêu cầu dẫn độ tạm thời, gây lãng phí cả về thời gian và công sức của các cơ quan có thẩm quyền của cả Việt Nam và nước ngoài. Thậm chí, trường hợp việc truy cứu trách nhiệm hình sự và thi hành hình phạt đối với người bị yêu cầu dẫn độ kéo dài, chính sách hình sự của các quốc gia thay đổi (hành vi phạm tội được phi hình sự hóa), yêu cầu dẫn độ sẽ không còn giá trị và các quyết định liên quan sẽ bị hủy bỏ.

+ Về thủ tục giải quyết yêu cầu dẫn độ tại toà án, Luật chưa đưa ra dự liệu được các trường hợp mà Tòa án phải tạm ngừng phiên họp, hoãn phiên họp, tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu trong các trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ, người đại diện hợp pháp của người bị yêu cầu dẫn độ, kiểm sát viên, thành viên Hội đồng xem xét yêu cầu dẫn độ vắng mặt do sự kiện bất khả kháng. Ngoài ra, thời hạn giải

quyết yêu cầu dẫn độ tại toà án chưa đảm bảo để toà án có thể xem xét, đánh giá giải quyết yêu cầu đúng tiến độ và chất lượng.

+ Một số hiệp định TTTP có quy định về dẫn độ mà Việt Nam ký kết trước đây quy định ngôn ngữ TTTP là tiếng Nga, dẫn đến việc yêu cầu dẫn độ được gửi hoàn toàn bằng tiếng Nga. Đồng thời, do không có quy định cụ thể về ngôn ngữ mà Việt Nam chấp nhận nên nhiều yêu cầu, đặc biệt là các yêu cầu theo nguyên tắc có đi có lại được dịch sang tiếng Anh hoặc giữ nguyên ngôn ngữ gốc của nước yêu cầu. Để phục vụ việc kiểm tra hồ sơ và giải quyết hồ sơ sau này (do các cán bộ của TAND cấp tỉnh - cơ quan có thẩm quyền xem xét yêu cầu - thường không sử dụng thành thạo ngoại ngữ), Bộ Công an phải dịch hồ sơ sang tiếng Việt. Các hồ sơ yêu cầu dẫn độ thường gồm hàng trăm trang tài liệu pháp lý, việc dịch thuật mất nhiều thời gian (đặc biệt, đối với các ngôn ngữ ít phổ biến, việc thuê dịch hồ sơ vừa bảo đảm chính xác, vừa bảo mật thông tin là rất khó khăn). Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 38 Luật TTTP, Bộ Công an chỉ có thời hạn 20 ngày để kiểm tra hồ sơ kể từ ngày nhận được yêu cầu dẫn độ.

6.3 Trong lĩnh vực chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù

+ Luật TTTP chưa có quy định về điều kiện từ chối tiếp nhận; chuyển giao người bị kết án phạt tù là người chưa thành niên; chuyển giao người bị kết án bởi các tòa án quốc tế; chuyển giao các đối tượng vừa là người bị kết án vừa là đối tượng bị truy nã quốc tế; chuyển giao người bị kết án vừa là công dân nước nhận vừa là công dân nước chuyển giao.

+ Một số hành vi phạm tội theo các ĐUQT mà Việt Nam là thành viên chưa được “hình sự hóa” trong BLHS năm 2015. Điều này có thể dẫn đến khó khăn trong việc đáp ứng “điều kiện tội phạm kép” cũng như việc chuyển đổi hình phạt. BLTTHS năm 2015 chưa có quy định về công nhận và thi hành bản án hình sự của nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp tiếp nhận phạm nhân được chuyển giao về Việt Nam để tiếp tục chấp hành án phạt tù mà BLTTHS năm 2015 mới chỉ có quy định việc công nhận bản án hình sự, quyết định của Tòa án nước ngoài trong trường hợp từ chối dẫn độ công dân vì mục đích thi hành án hình sự. Do đó, Luật TTTP cần cân nhắc để có thể có quy định phù hợp.

+ Thiếu quy định về chuyển đổi tội danh và khung hình phạt, dẫn đến khó khăn áp dụng trên thực tế, nhất là đối với Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Thực tế đã xuất hiện trường hợp, một số phạm nhân được chuyển giao từ nước ngoài về Việt Nam để tiếp tục chấp hành án phạt tù theo bản án và tội danh mà Tòa án của nước chuyển giao đã tuyên mà không chuyển đổi tội danh và khung hình phạt theo Bộ luật hình sự của Việt Nam dẫn đến các cơ quan có thẩm quyền không có cơ sở pháp

lý xem xét, thực hiện các chế độ chính sách đối với các phạm nhân này trong việc đặc xá, giảm án, tha tù trước thời hạn có điều kiện mặc dù thái độ, kết quả xếp loại chấp hành án của phạm nhân tốt, cũng như gặp khó khăn khi nhập dữ liệu quản lý phạm nhân tại Việt Nam

+ Luật thi hành án hình sự năm 2019 chưa có quy định rõ về việc thi hành bản án hình sự do tòa án có thẩm quyền nước ngoài tuyên đối với công dân Việt Nam sau khi được tiếp nhận về Việt Nam để tiếp tục chấp hành hình phạt; vấn đề tạm tha có điều kiện được quy định trong các hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù mà Việt Nam ký kết với các nước nhưng chưa được quy định trong Luật thi hành án hình sự năm 2019 hay quy trình về thủ tục đặc xá cho người bị kết án phạt tù được tiếp nhận về Việt Nam chưa có quy định trong Luật Đặc xá năm 2018. Do đó, để khắc phục khoảng trống của pháp luật, Luật TTTP cần có quy định để giải quyết.

+ Luật TTTP quy định một trong những điều kiện mà người đang chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam được chuyển giao cho nước ngoài để thi hành hình phạt tù là người này đã thực hiện xong phần trách nhiệm dân sự, hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu tài sản và các trách nhiệm pháp lý khác trong bản án. Với quy định này, thực tiễn cho thấy trong nhiều trường hợp người đang chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam không thể đáp ứng được vì họ không có tài sản ở Việt Nam hoặc có nhưng không đủ để thi hành. Như vậy, vô tình quy định này đã làm hạn chế ý nghĩa nhân đạo và bảo đảm quyền con người của hoạt động chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù.

+ Luật TTTP cũng chưa dự liệu được các trường hợp mà Tòa án phải tạm ngừng phiên họp, hoãn phiên họp, tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu nếu người yêu cầu chuyển giao, người đại diện hợp pháp của người này, kiểm sát viên thành viên của Hội đồng xem xét yêu cầu chuyển giao vắng mặt do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

7. Một số quy định của Luật Tương trợ tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu mới của sự phát triển trong lĩnh vực tương trợ tư pháp dân sự, trong đó có vấn đề về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Tại thời điểm trước khi Luật TTTP được ban hành, số lượng yêu cầu TTTP hàng năm gửi đến Việt Nam và Việt Nam gửi ra các nước trung bình là: 600 yêu cầu. Sau 14 năm thi hành Luật TTTP, số lượng yêu cầu TTTP đã tăng lên 3.000-3.800 yêu cầu/năm, tương ứng tăng gấp hơn 3 lần. Bên cạnh việc tăng nhanh số lượng, tính chất yêu cầu TTTP ngày càng đa dạng cùng với việc Việt Nam đã ký, tham gia nhiều ĐUQT song phương, đa phương về TTTP có những quy định có

tính chuẩn mực chung phù hợp thông lệ quốc tế được ghi nhận nhưng Luật TTTP lại chưa quy định hoặc quy định chưa cụ thể, đó là:

- Thực tế thực hiện hoạt động TTTP về dân sự trong thời gian qua chỉ ra rằng hoạt động TTTP về dân sự cần được quy định tại một văn bản riêng, có phạm vi điều chỉnh và đối tượng riêng, trong đó cần mở rộng đối tượng điều chỉnh cả TTTP trong lĩnh vực hành chính

+ Luật TTTP điều chỉnh chung cho cả 04 lĩnh vực là TTTP về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Trong khi đó mỗi lĩnh vực TTTP lại có những đặc thù riêng, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện rất khác nhau, đặc biệt là giữa lĩnh vực dân sự với các lĩnh vực còn lại. Điều này dẫn đến bất cập là các quy định về TTTP dân sự trong Luật TTTP chưa có tính hệ thống, chưa đầy đủ.

+ Luật TTTP hiện hành chưa bao hàm hết các phạm vi TTTP hiện nay. Phạm vi điều chỉnh của Luật TTTP không bao gồm TTTP trong lĩnh vực hành chính nhưng thực tiễn thực hiện có nhiều yêu cầu ủy thác giải quyết các vụ án hành chính.

+ Việc điều chỉnh hoạt động TTTP trong lĩnh vực dân sự chủ yếu mang tính quy trình, thủ tục ở nhiều cấp văn bản cũng không thuận lợi cho việc áp dụng.

+ Luật cũng chưa quy định giá trị pháp lý của kết quả TTTP do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thực hiện. Nguyên tắc thực hiện TTTP theo quy định pháp luật nước được yêu cầu không quy định trong Luật nên cơ quan tổ tụng trong nước lúng túng khi sử dụng kết quả TTTP để giải quyết vụ việc dân sự, đặc biệt khi phương thức thực hiện yêu cầu TTTP khác với quy định trong nước.

- Quy định về áp dụng pháp luật nước ngoài

Luật TTTP có quy định về áp dụng pháp luật nước ngoài trong thực hiện TTTP theo quy định của ĐUQT mà Việt Nam là thành viên, mà không có quy định hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng pháp luật nước ngoài để thực hiện TTTP. Trong khi đó, các điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự mà Việt Nam đã ký kết tuy cũng có quy định về áp dụng pháp luật nước được yêu cầu khi thực hiện TTTP của nước ngoài nhưng các quy định này cũng chỉ mang tính nguyên tắc và dẫn chiếu đến pháp luật trong nước của các bên. Do vậy, đây là một khoảng trống cần được bổ sung để tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể thực hiện áp dụng thống nhất.

- Luật chưa quy định việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế TTTP về dân sự

Kể từ khi Luật TTTP có hiệu lực (2008) cho đến nay, Việt Nam đã ký kết, gia nhập nhiều điều ước quốc tế song phương và đa phương mới về TTTP trong lĩnh vực dân sự như Công ước La Hay về tổng đạt giấy tờ trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại, Công ước La hay về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại. Các ĐUQT này có các yêu cầu mới về quy trình, thủ tục, hồ sơ so với quy định trong Luật TTTP hiện hành. Để dụng thuận lợi và thống nhất tiêu chuẩn mới được quy định tại các điều ước quốc tế, liên ngành Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao đã có giải pháp ban hành văn bản quy phạm pháp luật cấp thông tư liên tịch để thực hiện. Tuy nhiên, đây là giải pháp mang tính chất tình thế trong lúc chưa thể đưa vào văn bản pháp luật cấp cao hơn. Bên cạnh đó, việc quy trình thủ tục thực hiện được quy định ở nhiều cấp văn bản pháp luật khác nhau cũng làm cho quy định pháp luật bị tản mạn, không tạo thuận lợi cho việc áp dụng.

- Chưa tạo cơ chế để từng bước xã hội hóa hoạt động tổng đạt giấy tờ

Các ĐUQT về TTTP trong lĩnh vực dân sự cả song phương và đa phương mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia đều xác định về nguyên tắc, việc thực hiện các yêu cầu TTTP tổng đạt giấy tờ được thực hiện miễn phí cho nhau trừ một số trường hợp đặc biệt hoặc việc tổng đạt không do cơ quan nhà nước thực hiện. Công ước tổng đạt (Điều 12) cho phép các quốc gia thu phí tổng đạt giấy tờ nếu hoạt động tổng đạt không được thực hiện bởi nhà nước.

Hiện nay số lượng các vụ việc dân sự được giải quyết tại tòa án cấp tỉnh rất lớn, trong khi nguồn lực cán bộ và ngân sách không được bổ sung. Trong bối cảnh đó, việc thực hiện ủy thác tư pháp cho nước ngoài với số lượng ngày càng tăng đã tạo thêm gánh nặng cho hoạt động của các tòa án địa phương.

Để giảm áp lực cho hệ các cơ quan tố tụng, thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động tổng đạt giấy tờ nói chung theo Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (bao gồm cả tổng đạt văn bản giấy tờ trong nước) nhiều tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hồ sơ kể cả hồ sơ theo yêu cầu của nước ngoài thông qua thừa phát lại.

Hiện nay theo quy định của Luật TTTP và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 quy định trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự (TTLQ 12), các yêu cầu tổng đạt của nước ngoài được gửi đến các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thực hiện. Luật TTTP không xác định phạm vi “các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam” mà chỉ quy định trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong thực hiện các ủy thác tư pháp của nước ngoài (khoản 1 Điều 68). TTLT 12 (khoản 1 Điều 17) xác định rõ

hơn “các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam” bao gồm: (1) Tòa án nhân dân cấp tỉnh; (2) Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh trong trường hợp ủy thác tư pháp của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài liên quan đến thi hành án dân sự; (3) Thừa phát lại thực hiện tổng đạt giấy tờ theo quy định của pháp luật.

Theo cơ chế hiện nay, Bộ Tư pháp không chuyển thẳng hồ sơ yêu cầu tổng đạt của nước ngoài đến thừa phát lại để thực hiện mà vẫn chuyển qua Tòa án/ Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, sau đó các cơ quan này mới chuyển đến thừa phát lại để thực hiện theo quy trình xã hội hóa chung trong nước. Như vậy hiện nay Luật TTTP chưa quy định trực tiếp về việc thực hiện tổng đạt qua kênh xã hội hóa. Bên cạnh đó, các tổ chức cá nhân ngoài nhà nước được thực hiện chức năng tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Điều 172) và Luật tố tụng hành chính năm 2015 (Điều 101) không chỉ bao gồm thừa phát lại mà còn bao gồm nhân viên tổ chức dịch vụ bưu chính, người có chức năng tổng đạt và những người khác mà pháp luật có quy định.

Do đó, quy định của Luật TTTP về thẩm quyền thực hiện tổng đạt giấy tờ theo yêu cầu của nước ngoài hiện nay là chưa đầy đủ và chưa có cơ chế cho xã hội hóa hoạt động việc tổng đạt giấy tờ. Xã hội hoá hoạt động tổng đạt giấy tờ giúp giảm tải công việc cho các toà án và rút ngắn thời gian thực hiện.

- Phương thức thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp và quy trình lưu trữ hồ sơ ủy thác tư pháp cần được cải tiến

Trong công tác TTTP về dân sự, việc ứng dụng khoa học công nghệ còn ở mức độ hạn chế, chưa ứng dụng được khoa học kỹ thuật triệt để trong việc số hóa, lưu giữ và tra cứu hồ sơ. Hàng năm, Bộ Tư pháp tiếp nhận và chuyển thực hiện hơn 4000 lượt hồ sơ trả kết quả hơn 3000 lượt hồ sơ ủy thác tư pháp, trung bình mỗi hồ sơ 30 tờ, ước tính mỗi năm lưu tại đơn vị khoảng 15m hồ sơ, trong đó Bộ cần tạm lưu tại đơn vị hồ sơ của 5 năm gần nhất để tiện cho việc khai thác và tra cứu, với số lượng này, thực tế mất 01 phòng làm việc để chứa hồ sơ.

Đến nay việc tiếp nhận và chuyển thực hiện đã được các yêu cầu đi và đến đã bước đầu áp dụng phần mềm quản lý hồ sơ ủy thác tư pháp. Tuy nhiên, phần mềm này còn những hạn chế cần tiếp tục được cải tiến, các dữ liệu chưa liên thông, các cơ quan trực tiếp thực hiện chưa thể theo dõi, tra cứu tình hình thực hiện trực tuyến qua mã số để được mà vẫn phải thông qua việc trả lời các văn bản giấy nên mất thời gian, nguồn lực của cả cơ quan địa phương và cơ quan đầu mối. Thực trạng này cho thấy việc áp dụng công nghệ thông tin mới chỉ ở mức đầu và mức độ còn đơn giản, chưa đáp ứng yêu cầu của Nhà nước ta về việc xây dựng Chính phủ điện

tử trong đó chú trọng “Công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng”.

Bên cạnh đó, trong tất cả các ĐUQT về TTTP, Bộ Tư pháp chỉ phải gửi đến nước được yêu cầu 02 bộ hồ sơ, do đó việc các cơ quan có thẩm quyền lập và gửi hồ sơ ủy thác tư pháp bằng bản mềm đến Bộ Tư pháp thì không còn cần thiết phải gửi 03 bộ giấy như hiện nay.

